

Số: 2079/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

<p>CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ</p> <p>CÔNG VĂN ĐẾN</p> <p>Số: 2079</p> <p>Ngày: 14 tháng 12 năm 09</p> <p>Kính chuyển:.....</p>	<p>Thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội</p> <p>THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ</p>
---	--

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 111/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức, quản lý tổng công ty nhà nước và chuyển đổi tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập, công ty mẹ là công ty nhà nước theo hình thức công ty mẹ - công ty con hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 101/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về thí điểm thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý tập đoàn kinh tế nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2078/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm thành lập Tập đoàn Viễn thông Quân đội;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội (sau đây gọi tắt là Tập đoàn).

1. Tập đoàn Viễn thông Quân đội là doanh nghiệp kinh tế quốc phòng 100% vốn nhà nước, có tư cách pháp nhân, có con dấu, biểu tượng và Điều lệ tổ chức và hoạt động riêng; được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm kế thừa các quyền, nghĩa vụ pháp lý và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty Viễn thông Quân đội.

2. Tên gọi của Tập đoàn:

- Tên gọi đầy đủ: TẬP ĐOÀN VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI;
- Tên giao dịch quốc tế: VIETTEL GROUP;
- Tên viết tắt: VIETTEL.

3. Trụ sở chính: đặt tại thành phố Hà Nội.

4. Tập đoàn Viễn thông Quân đội được hình thành trên cơ sở tổ chức lại các phòng ban chức năng của Tổng công ty Viễn thông Quân đội, Công ty Viễn thông Viettel và Công ty Truyền dẫn Viettel.

Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng, ban chức năng của Tập đoàn Viễn thông Quân đội được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Viễn thông Quân đội.

5. Vốn Điều lệ của Tập đoàn: 50.000 tỷ đồng (năm mươi nghìn tỷ đồng)

6. Ngành nghề kinh doanh chính:

Kinh doanh các dịch vụ viễn thông, viễn thông - công nghệ thông tin trong nước và nước ngoài; khảo sát, tư vấn, thiết kế, lắp đặt, bảo dưỡng các công trình viễn thông - công nghệ thông tin; sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu, cung ứng vật tư, thiết bị viễn thông - công nghệ thông tin.

7. Ngành nghề kinh doanh liên quan:

Đầu tư tài chính, kinh doanh vốn và dịch vụ ngân hàng; truyền thông và nội dung thông tin; thương mại điện tử và dịch vụ kho vận; đầu tư và kinh doanh bất động sản; các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

8. Tổ chức quản lý, điều hành của Tập đoàn Viễn thông Quân đội gồm:

- a) Quản lý và điều hành Tập đoàn Viễn thông Quân đội: Tổng giám đốc Tập đoàn;
- b) Giúp việc Tổng giám đốc có các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- c) Bộ máy giúp việc cho Tập đoàn là các phòng ban nghiệp vụ;

9. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc tại thời điểm thành lập gồm:

- Công ty Viễn thông Viettel;

- Công ty Truyền dẫn Viettel;
- Trung tâm đào tạo Viettel;
- Công ty Bất động sản Viettel;
- Công ty Phát triển dịch vụ mới Viettel;
- Các chi nhánh Viettel tại các tỉnh, thành phố.

10. Các công ty con do Tập đoàn sở hữu trên 50% vốn điều lệ tại thời điểm thành lập gồm:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Công trình Viettel;
- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel;
- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tư vấn thiết kế Viettel;
- Công ty cổ phần Bưu chính Viettel;
- Công ty cổ phần Đầu tư quốc tế Viettel;
- Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên Viettel - CHT.

11. Các công ty liên kết do Tập đoàn sở hữu dưới 50% vốn điều lệ tại thời điểm thành lập gồm:

- Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex - Viettel;
- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu & Xây dựng Việt Nam (Vinaconex);
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội;
- Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Coecco;
- Công ty cổ phần EVN quốc tế;
- Công ty cổ phần Công nghệ Viettel;
- Các công ty trách nhiệm hữu hạn có 02 thành viên trở lên và công ty cổ phần khác, công ty liên doanh với nước ngoài, công ty ở nước ngoài trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin có vốn góp của Tập đoàn.

12. Các công ty khác được hình thành theo quy định của pháp luật.

13. Mối quan hệ giữa Tập đoàn Viễn thông Quân đội với chủ sở hữu nhà nước và các đơn vị thành viên được thực hiện phù hợp với pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Viễn thông Quân đội.

14. Cơ chế tài chính của Tập đoàn Viễn thông Quân đội được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Viễn thông Quân đội.

15. Chính phủ thống nhất quản lý và tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội. Thủ tướng Chính phủ uỷ quyền hoặc giao cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Tổng giám đốc Tập đoàn Viễn thông Quân đội thực hiện một số quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng bổ nhiệm Tổng giám đốc Tập đoàn sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận; bổ nhiệm các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác của Tập đoàn theo Quy chế công tác cán bộ của Quân đội nhân dân Việt Nam; chịu trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi việc thực hiện Quyết định này; kịp thời phát hiện, giải quyết những vướng mắc phát sinh; báo cáo Thủ tướng Chính phủ giải quyết những vấn đề vượt quá thẩm quyền; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ những vấn đề mới cần thí điểm trong quá trình thực hiện.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Viễn thông Quân đội.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp theo chức năng nhiệm vụ chỉ đạo, theo dõi và hướng dẫn Tập đoàn Viễn thông Quân đội thực hiện Quyết định này theo quy định của pháp luật.

4. Tổng giám đốc Tập đoàn Viễn thông Quân đội:

- Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Viễn thông Quân đội sau khi có ý kiến của các Bộ: Quốc phòng, Kế hoạch và Đầu tư và Tài chính;

- Trình Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Viễn thông Quân đội;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng cơ chế tiền lương trong Tập đoàn Viễn thông Quân đội;

- Quyết định đơn giá tiền lương theo quy định tại Nghị định số 101/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05 tháng 11 năm 2009 về thí điểm thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý tập đoàn kinh tế nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2009.

Bộ trưởng các Bộ: Quốc phòng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Tổng giám đốc Tổng công ty Viễn thông Quân đội và Tổng giám đốc Tập đoàn Viễn thông Quân đội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và PTDN;
- Tổng công ty Viễn thông Quân đội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ trực thuộc;
- Lưu: Văn thư, ĐMDN (5b). XH 210



Nguyễn Tấn Dũng